

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
1	20000009	Hồ Duy	Bảo	Nam	06/01/2005	Trung cấp	20CQTM01H4N	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
2	20000078	Huỳnh Thái	Bảo	Nam	11/06/2000	Trung cấp	20CQTM01H4N	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
3	20000079	Trần Tùng	Dương	Nam	14/09/2005	Trung cấp	20CQTM01H4N	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
4	20002569	Hà Đình	Khang	Nam	03/04/2000	Trung cấp	20CQTM01H4N	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
5	20000668	Đỗ Quốc	Khánh	Nam	02/09/2005	Trung cấp	20CQTM01H4N	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
6	20000678	Nguyễn Gia Lê	Minh	Nam	22/04/2005	Trung cấp	20CQTM01H4N	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
7	20000684	Lục Nguyễn Xuân	Nghi	Nam	09/05/2005	Trung cấp	20CQTM01H4N	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
8	20000096	Trần Thành	Nhân	Nam	15/07/2005	Trung cấp	20CQTM01H4N	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
9	20000165	Tạ Thị Hồng	Hạnh	Nữ	24/12/2005	Trung cấp	20CQTM01H4N	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
10	20000075	Đặng Mai	Anh	Nữ	02/02/2005	Trung cấp	20CKT01H4N	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
11	20000007	Nguyễn Huỳnh Trâm	Anh	Nữ	31/12/2005	Trung cấp	20CKT01H4N	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
12	20000671	Lê Bảo Minh	Khôi	Nam	01/11/2005	Trung cấp	20CKT01H4N	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
13	20000093	Lê Thị Quỳnh	Nga	Nữ	26/05/2005	Trung cấp	20CKT01H4N	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
14	20000683	Nguyễn Phạm Thu	Ngân	Nữ	19/05/2005	Trung cấp	20CKT01H4N	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
15	20000707	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trang	Nữ	13/03/2005	Trung cấp	20CKT01H4N	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
16	20000718	Đặng Hồ Yến	Vy	Nữ	17/09/2005	Trung cấp	20CKT01H4N	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
17	20000018	Bùi Hồng	Hạnh	Nam	03/04/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghiep vụ nhà hàng – khách sạn	100%
18	20000389	Trần Văn	Huy	Nam	06/02/2002	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghiep vụ nhà hàng – khách sạn	100%
19	20000022	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	16/07/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghiep vụ nhà hàng – khách sạn	100%
20	20000845	Nguyễn Văn Tấn	Đạt	Nam	30/09/2002	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghiep vụ nhà hàng – khách sạn	100%
21	20000338	Trần Đoàn Thế	Hải	Nam	19/11/2003	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghiep vụ nhà hàng – khách sạn	100%
22	20000670	Lê Anh	Khoa	Nam	09/10/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghiep vụ nhà hàng – khách sạn	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
23	20000673	Nguyễn Hoàng Kim	Long	Nam	24/03/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghệ vụ nhà hàng – khách sạn	100%
24	20000200	Nguyễn Gia	Minh	Nam	24/05/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghệ vụ nhà hàng – khách sạn	100%
25	20000199	Võ Thê	Son	Nam	04/01/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghệ vụ nhà hàng – khách sạn	100%
26	20000038	Trịnh Đức	Tài	Nam	19/01/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghệ vụ nhà hàng – khách sạn	100%
27	20000034	Đặng Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	15/06/2004	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghệ vụ nhà hàng – khách sạn	100%
28	20000047	Trương Võ Hồng	Trâm	Nữ	03/01/2004	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghệ vụ nhà hàng – khách sạn	100%
29	20000222	Quách Thị Khánh	Trang	Nữ	14/07/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghệ vụ nhà hàng – khách sạn	100%
30	20000722	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	26/07/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghệ vụ nhà hàng – khách sạn	100%
31	20000077	Trần Ngọc Minh	Anh	Nữ	17/11/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghệ vụ nhà hàng – khách sạn	100%
32	20000119	Huỳnh Ngọc	Châu	Nữ	30/08/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghệ vụ nhà hàng – khách sạn	100%
33	20000015	Trần Mai	Hân	Nữ	09/11/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghệ vụ nhà hàng – khách sạn	100%
34	20000121	Nguyễn Trần Khánh	Linh	Nữ	15/02/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghệ vụ nhà hàng – khách sạn	100%
35	20000908	Lê Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	16/02/2005	Trung cấp	20CKS01H4N	2020	Nghệ vụ nhà hàng – khách sạn	100%
36	20000760	Hoàng Văn	Minh	Nam	18/07/2004	Trung cấp	20CQT01H4N	2020	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
37	20000123	Phạm Hoàng Minh	Phúc	Nam	20/04/2005	Trung cấp	20CQT01H4N	2020	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
38	20000120	Nguyễn Phan Hoài	Linh	Nam	09/11/1999	Trung cấp	20CQT01H4N	2020	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
39	20000016	Phạm Thị Kim	Duyên	Nữ	29/10/2005	Trung cấp	20CQT01H4N	2020	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
40	20000013	Nguyễn Hữu	Đạt	Nam	18/03/2005	Trung cấp	20CCB01H4N	2020	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
41	20000137	Nguyễn Vũ Mạnh	Duy	Nam	12/03/2004	Trung cấp	20CCB01H4N	2020	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
42	20000208	Nguyễn Phan Thái Thiên	Phú	Nam	05/05/2004	Trung cấp	20CCB01H4N	2020	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
43	20000328	Nguyễn Đông	Quân	Nam	08/12/2005	Trung cấp	20CCB01H4N	2020	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
44	20000052	Bùi Trí	Tài	Nam	08/03/2005	Trung cấp	20CCB01H4N	2020	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
45	20000109	Nguyễn Hoàng Như	Ý	Nữ	09/06/2005	Trung cấp	20CCB01H4N	2020	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
46	20000583	Đào Tuấn	Kiệt	Nam	07/10/2002	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
47	20000610	Trương Vinh	Triệu	Nam	19/09/2002	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
48	20000392	Điền	Vũ	Nam	13/04/2002	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
49	20000418	Nguyễn Hoàng Vân	Anh	Nữ	31/01/2002	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
50	20000634	Hồ Kim	Bội	Nữ	22/06/2002	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
51	20000275	Phạm Thị Mỹ	Hằng	Nữ	13/07/2002	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
52	20000769	Tô Thị Thanh	Hiền	Nữ	17/01/2001	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
53	20000503	Đặng Thị Thu	Nguyệt	Nữ	01/04/2002	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
54	20000884	Nguyễn Huỳnh	Nhu	Nữ	06/08/2002	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
55	20000276	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	22/11/2001	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
56	20000597	Lê Thị Mỹ	Tấn	Nữ	19/06/2002	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
57	20000495	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	24/05/2002	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
58	20000488	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	Nữ	17/10/2001	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
59	20000616	Huỳnh Thị Như	Ý	Nữ	11/7/2002	Cao đẳng	20CKT01	2020	Kế toán doanh nghiệp	100%
60	20000204	Trương Minh	An	Nam	19/07/1999	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
61	20000421	Nguyễn Văn	Cường	Nam	11/11/2001	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
62	20000386	Nguyễn Bảo	Dương	Nam	15/06/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
63	20000391	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	18/06/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
64	20000429	Châu Anh	Hào	Nam	23/06/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
65	20000550	Ngô Thái	Huy	Nam	12/09/2001	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
66	20000185	Lê Văn Ngọc	Khánh	Nam	31/05/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
67	20000444	Nguyễn Thanh	Lâm	Nam	15/03/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
68	20000441	Lê	Minh	Nam	17/11/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
69	20002567	Đặng Thái	Minh	Nam	04/11/1997	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
70	20000784	Lê Văn	Nhiều	Nam	05/08/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
71	20000593	Huỳnh Tấn	Phát	Nam	19/02/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
72	20000407	Lê Dương Hoàng	Phi	Nam	1/1/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
73	19000111	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	22/01/1998	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
74	20000451	Trương Thị Ngọc	Đinh	Nữ	17/10/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
75	20000750	Lê Thị Ngọc	Giàu	Nữ	13/10/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
76	20000860	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	Nữ	28/05/2001	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
77	20000462	Lê Ngọc	Hồng	Nữ	26/01/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
78	20000508	Võ Thị Diễm	Lanh	Nữ	25/03/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
79	20000299	Vũ Thị Kim	Loan	Nữ	28/08/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
80	20000420	Tăng Gia	Mẫn	Nữ	10/12/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
81	20000876	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	04/08/1999	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
82	20000887	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	03/04/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
83	20000395	Trần Yến	Nhi	Nữ	13/11/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
84	20000492	Mai Thị	Nhung	Nữ	28/05/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
85	20000751	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	25/04/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
86	20000694	Bùi Thị Bé	Thảo	Nữ	10/02/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
87	20000888	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	18/10/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
88	20000316	Trần Thị Cẩm	Tiên	Nữ	29/08/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
89	20000865	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	21/04/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
90	20000591	Trần Triệu	Vy	Nữ	21/08/2002	Cao đẳng	20CQT01	2020	Quản trị kinh doanh	100%
91	20000218	Nguyễn Thuận	An	Nam	30/06/2000	Cao đẳng	20CNTT01	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
92	20000821	Hoàng Đức	Duy	Nam	07/07/2002	Cao đẳng	20CNTT01	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
93	20000410	Phạm Phương	Nam	Nam	10/10/2002	Cao đẳng	20CNTT01	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
94	20000331	Nguyễn Đình	Thuyết	Nam	17/04/2002	Cao đẳng	20CNTT01	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
95	20000448	Phạm Hoàng	Trung	Nam	11/12/2000	Cao đẳng	20CNTT01	2020	Quản trị mạng máy tính	100%
96	20000570	Huỳnh Nhựt	An	Nam	18/10/2001	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
97	20000181	Trần Nguyễn Công	Chánh	Nam	26/05/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
98	20000811	Nguyễn Văn	Đại	Nam	18/07/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
99	20000146	Lương Hải	Đăng	Nam	06/10/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
100	20000145	Nguyễn Văn	Đầy	Nam	13/05/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
101	20000216	Nguyễn Văn	Đề	Nam	22/10/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
102	20000173	Nguyễn Văn	Đến	Nam	12/11/2001	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
103	20000853	Trần Ngọc Quốc	Dương	Nam	28/10/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
104	20000571	Mạc Quang	Duy	Nam	21/02/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
105	20000388	Ngô Văn Mười	Hai	Nam	22/05/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
106	20000169	Điền Bình Anh	Hải	Nam	28/05/2001	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
107	20000837	Nguyễn Nhật	Hoàng	Nam	12/10/2001	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
108	20000549	Huỳnh Văn	Kha	Nam	08/06/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
109	20000446	Nguyễn Duy	Khang	Nam	24/12/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
110	20000144	Lương Tuấn	Kiệt	Nam	06/09/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
111	20000578	Đinh Xuân	Linh	Nam	27/05/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
112	20000161	Trương Hoàng	Lương	Nam	27/02/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
113	20000548	Trần Quốc	Nam	Nam	04/06/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
114	20000775	Trần Trọng	Nghĩa	Nam	01/01/2002	Cao đẳng	20COT01	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
115	20000520	Trương Ngọc	Khánh	Nam	22/07/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
116	20000223	Lương Văn	Kiệt	Nam	01/01/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
117	20000493	Trần Thảo Thiên	Long	Nam	22/01/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
118	20000348	Phạm Chí	Nghĩa	Nam	22/03/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
119	20000454	Phạm Bảo	Tài	Nam	14/10/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
120	20000453	Nguyễn Hoàng	Tiến	Nam	24/06/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
121	20000635	Nguyễn Như	Cầm	Nữ	10/11/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
122	20000596	Lê Thị Kim	Cúc	Nữ	16/04/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
123	20000436	Ông Thị Thu	Hà	Nữ	24/01/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
124	20000178	Trần Thị Nguyệt	Hường	Nữ	03/12/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
125	20000745	Trịnh Thị	Lam	Nữ	19/05/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
126	20000142	Mai Thị Tú	Lan	Nữ	14/12/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
127	20000664	Huỳnh Thị Kim	Liên	Nữ	22/02/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
128	20000825	Đỗ Thị Tuyết	Nhi	Nữ	19/01/2002	Cao đẳng	20CKS01	2020	Quản trị Khách sạn	100%
129	20000490	Triệu Thị Kim	Ánh	Nữ	12/10/2002	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%
130	20000170	Trần Minh	Dur	Nam	19/10/2002	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%
131	20000652	Lương Phước Thùy	Hương	Nữ	17/08/2002	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%
132	20000656	Mai Đặng Minh	Khuê	Nữ	11/08/2002	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
133	20000662	Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	11/06/2002	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%
134	20000675	Lê Thị Xuân	Mai	Nữ	23/06/2002	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%
135	20000828	Kim Thị Thảo	Nguyên	Nữ	08/11/2002	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%
136	20000797	Từ Tiểu	San	Nữ	05/06/2002	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%
137	20000356	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	15/09/2002	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%
138	20000166	Đỗ Thị Mỹ	Tiên	Nữ	10/12/2002	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%
139	20000413	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24/03/2002	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%
140	20000486	Nguyễn Kiều	Trang	Nữ	24/10/1999	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%
141	20000785	Lê Quốc	Trung	Nam	10/09/2002	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%
142	20000157	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy	Nữ	26/05/2002	Cao đẳng	20CNH01	2020	Quản trị Nhà hàng	100%
143	21001124	Trần Quốc	Anh	Nam	30/07/2006	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
144	21001056	Dương Thị Ngọc	Bích	Nữ	09/03/2005	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
145	21001062	Ngô Quang	Đức	Nam	24/11/2006	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
146	21000030	Cao Thái	Lâm	Nam	21/10/2006	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
147	21000020	Lê Hoàng	Lâm	Nam	17/07/2006	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
148	21000996	Phạm Trà	My	Nữ	03/04/2006	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
149	21002619	Vương Gia	Nghi	Nữ	12/07/2005	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
150	21000015	Lê Hiếu	Nhi	Nữ	24/08/2006	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
151	21001642	Dư Thạch	Thảo	Nữ	11/02/2006	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
152	21001813	Trương Trường	Thiện	Nam	23/04/2003	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
153	21000024	Ung Thị Huyền	Trâm	Nữ	18/04/2006	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
154	21000971	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	10/12/2006	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
155	21001042	Tạ Duy	Long	Nam	02/01/2006	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
156	21001074	Đinh Ngọc Thanh	Mi	Nữ	29/10/2006	Trung cấp	21TCB01	2021	Kỹ thuật chế biến món ăn	100%
157	21001108	Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	08/03/2006	Trung cấp	21TNH01	2021	Nghiep vụ nhà hàng, khách sạn	100%
158	21000991	Vương Gia	Bảo	Nam	31/05/2006	Trung cấp	21TNH01	2021	Nghiep vụ nhà hàng, khách sạn	100%
159	21001063	Đặng Huỳnh	Công	Nam	15/01/2006	Trung cấp	21TNH01	2021	Nghiep vụ nhà hàng, khách sạn	100%
160	20000786	Đỗ Đức	Huy	Nam	12/12/2005	Trung cấp	21TNH01	2021	Nghiep vụ nhà hàng, khách sạn	100%
161	21000019	Bùi Hữu	Lâm	Nam	05/12/2006	Trung cấp	21TNH01	2021	Nghiep vụ nhà hàng, khách sạn	100%
162	21001050	Dương Trần	Lê	Nam	27/09/2006	Trung cấp	21TNH01	2021	Nghiep vụ nhà hàng, khách sạn	100%
163	21001386	Nguyễn Tiến	Nghị	Nam	08/02/2001	Trung cấp	21TNH01	2021	Nghiep vụ nhà hàng, khách sạn	100%
164	21002003	Vũ Vương Đào	Nguyên	Nữ	09/09/2006	Trung cấp	21TNH01	2021	Nghiep vụ nhà hàng, khách sạn	100%
165	21001092	Trang Gia	Như	Nam	30/12/2006	Trung cấp	21TNH01	2021	Nghiep vụ nhà hàng, khách sạn	100%
166	21000023	Nguyễn Hoài Bảo	Trân	Nữ	13/11/2006	Trung cấp	21TNH01	2021	Nghiep vụ nhà hàng, khách sạn	100%
167	21001802	Võ Hoàng Châu	Anh	Nữ	18/11/2006	Trung cấp	21TKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
168	21001018	Lê Hoàng Minh	Châu	Nữ	27/01/2006	Trung cấp	21TKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
169	21002594	Nguyễn Phạm Thùy	Dương	Nữ	23/06/2006	Trung cấp	21TKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
170	21000029	Trương Gia	Hân	Nữ	12/11/2006	Trung cấp	21TKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
171	21001791	Dương Đăng	Hung	Nam	09/04/2006	Trung cấp	21TKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
172	21000986	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	04/11/2006	Trung cấp	21TKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
173	21001636	Huỳnh Trang	Mi	Nữ	30/06/2006	Trung cấp	21TKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
174	21001132	Trương Nhật Quốc	Minh	Nam	26/09/2006	Trung cấp	21TKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
175	21001147	Phan Huỳnh Tuyết	Như	Nữ	14/10/2006	Trung cấp	21TKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
176	21000010	Bùi Anh	Tuân	Nam	18/07/2006	Trung cấp	21TKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
177	21002218	Nguyễn Ngọc Ánh	Tuyết	Nữ	11/01/2006	Trung cấp	21TKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
178	21000032	Nguyễn Đức	Anh	Nam	25/08/2006	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
179	21000964	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	Nữ	12/12/2006	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
180	21001709	Đặng Hải	Đặng	Nam	17/09/2006	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
181	21001734	Ngô Đông	Đô	Nam	24/06/2005	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
182	21001859	Lê Trung	Hiếu	Nam	03/02/2003	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
183	21000963	Đoàn Thị Hồng	Ly	Nữ	31/10/2006	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
184	21000982	Lê Võ Đình	Nam	Nam	25/10/2006	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
185	21000041	Trần Hải	Nam	Nam	20/10/2005	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
186	21001632	Nguyễn Lương Kim	Ngân	Nữ	26/03/2005	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
187	21000009	Dương Thùy Bảo	Như	Nữ	11/09/2006	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
188	21001310	Phạm Thị Thanh	Thảo	Nữ	31/12/2005	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
189	21000051	Võ Ngọc	Trân	Nữ	16/03/2006	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
190	21000972	Văn Thị Huỳnh	Trúc	Nữ	15/09/2006	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
191	21001106	Trần Thanh	Tùng	Nam	01/02/2006	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
192	21001673	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	Nữ	12/03/2006	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
193	21000990	Phạm Hồng	Yến	Nữ	26/09/2006	Trung cấp	21TQTKD01	2021	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	100%
194	21001151	Nguyễn Hoàng Phúc	An	Nam	23/09/2005	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
195	21001098	Phan Thiên	Ân	Nam	27/03/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
196	21001350	Phan Thiện Mạnh	Cường	Nam	13/08/2005	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
197	21001162	Trần Văn	Dân	Nam	14/10/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
198	21001024	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	29/08/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
199	21001061	Nguyễn Long	Hải	Nam	10/09/2005	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
200	21001071	Nguyễn Thanh	Hòa	Nam	13/02/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
201	21001678	Đỗ Đông	Huy	Nam	30/05/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
202	21000048	Võ Ngọc	Huy	Nam	24/08/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
203	21000984	Hồ	Khải	Nam	06/11/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
204	21001127	Phạm Bảo	Khánh	Nam	08/05/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
205	21002087	Đinh Nguyễn Anh	Khoa	Nam	10/06/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
206	21001141	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	08/05/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
207	21001850	Lư Trường	Lộc	Nam	04/11/2003	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
208	21001649	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	20/08/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
209	21001149	Vũ Thành	Long	Nam	24/07/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
210	21001270	Trương Thảo	My	Nữ	14/10/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
211	21001122	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	24/01/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
212	21001657	Phạm Hoàng Minh	Quân	Nam	14/11/2006	Trung cấp	21TQTM01	2021	Quản trị mạng máy tính	100%
213	21001695	Huỳnh Lê Hữu	Đăng	Nam	18/11/2003	Cao đẳng	21CTA01	2021	Tiếng Anh	100%
214	21001559	Đặng Nguyễn Ngọc Phương	An	Nữ	27/08/2003	Cao đẳng	21CTA01	2021	Tiếng Anh	100%
215	21001889	Đặng Thị Linh	Đan	Nữ	12/05/2003	Cao đẳng	21CTA01	2021	Tiếng Anh	100%
216	21000998	Nguyễn Hồng	Diệu	Nữ	17/12/2002	Cao đẳng	21CTA01	2021	Tiếng Anh	100%
217	21001972	Nguyễn Ngô Kim	Loan	Nữ	11/07/2003	Cao đẳng	21CTA01	2021	Tiếng Anh	100%
218	21001120	Trần Thị	Phú	Nữ	08/01/2003	Cao đẳng	21CTA01	2021	Tiếng Anh	100%
219	21001558	Trịnh Hà Anh	Thư	Nữ	10/11/2003	Cao đẳng	21CTA01	2021	Tiếng Anh	100%
220	21002007	Lê Thị Thanh	Thùy	Nữ	26/03/2003	Cao đẳng	21CTA01	2021	Tiếng Anh	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
221	21002122	Nguyễn Hồng Thy	Thy	Nữ	15/04/1998	Cao đẳng	21CTA01	2021	Tiếng Anh	100%
222	21001893	Nguyễn Kim	Tính	Nữ	04/02/2003	Cao đẳng	21CTA01	2021	Tiếng Anh	100%
223	21002024	Trần Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	01/04/2003	Cao đẳng	21CTA01	2021	Tiếng Anh	100%
224	21002042	Trần Thị Mộng	Uyên	Nữ	21/04/2003	Cao đẳng	21CTA01	2021	Tiếng Anh	100%
225	21001378	Nguyễn Xuân Hạ	Vy	Nữ	30/12/2003	Cao đẳng	21CTA01	2021	Tiếng Anh	100%
226	21001592	Lìu Đình	Sáng	Nam	26/12/2003	Cao đẳng	21CTTR02	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
227	21001054	Lê Hà Đức	Thuận	Nam	12/07/1993	Cao đẳng	21CTTR03	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
228	21001959	Trương Hồng Diệp	Anh	Nữ	13/08/2003	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
229	21001239	Nguyễn Thị	Chang	Nữ	17/10/2001	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
230	21001224	Bùi Thị Thùy	Dương	Nữ	22/05/2002	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
231	21001233	Đào Thị Mỹ	Duyên	Nữ	26/06/2003	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
232	21001183	Trần Thị Hồng	Gấm	Nữ	28/01/2003	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
233	21001209	Võ Thị Bảo	Hân	Nữ	31/10/2002	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
234	21001203	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	29/09/2000	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
235	21001230	Trịnh Thị Mỹ	Lệ	Nữ	18/10/2003	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
236	21001641	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	11/08/2003	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
237	21001208	Cao Mỹ	Luôn	Nữ	14/03/2000	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
238	21001112	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	28/01/2003	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
239	21002030	Hoàng Thị	Nhi	Nữ	04/01/2003	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
240	21001612	Đỗ Thị Yên	Nhi	Nữ	22/05/2003	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
241	21001155	Đỗ Nguyên	Phương	Nữ	07/10/1995	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%
242	21001718	Trần Thị Lan	Phương	Nữ	19/01/2003	Cao đẳng	21CTTR01	2021	Tiếng Trung Quốc	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
243	21001574	Nguyễn Thanh	Thông	Nam	06/05/2003	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
244	21001322	Phạm Đình	Thuận	Nam	11/03/2001	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
245	21001957	Lê Quốc	Toàn	Nam	25/07/2001	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
246	21002597	Bùi Minh	Anh	Nữ	09/12/1999	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
247	21001081	Đỗ Ngọc Minh	Châu	Nữ	10/11/2003	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
248	21001187	Nguyễn Trần Trúc	Hà	Nữ	10/04/2002	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
249	21001491	Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	03/06/2003	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
250	21001991	Ngô Thị Cẩm	Ly	Nữ	02/05/2003	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
251	21001867	Nguyễn Huỳnh Trúc	Ngân	Nữ	04/03/2003	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
252	21001282	Thạch Thị	Nhiên	Nữ	16/07/2002	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
253	21001341	Vòng Trần Mỹ	Phúc	Nữ	14/04/2003	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
254	21001259	Nguyễn Thị Kiều	Phương	Nữ	21/12/2003	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
255	21001374	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/03/2003	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
256	21001083	Ngô Dương Đan	Thanh	Nữ	30/10/2003	Cao đẳng	21CTN01	2021	Tiếng Nhật	100%
257	21001447	Huỳnh Ngọc	Châm	Nữ	12/06/2003	Cao đẳng	21CKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
258	21001483	Trần Thị Mỹ	Doanh	Nữ	07/11/2003	Cao đẳng	21CKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
259	21002017	Nguyễn Mai	Hương	Nữ	02/10/2003	Cao đẳng	21CKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
260	21001548	Nguyễn Trần Ý	Khoa	Nữ	21/07/2003	Cao đẳng	21CKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
261	21001823	Huỳnh Thị	Mai	Nữ	08/09/2003	Cao đẳng	21CKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
262	21001860	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	Nữ	15/09/2003	Cao đẳng	21CKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
263	21001553	Trần Nguyễn Thi	Thi	Nữ	17/08/2002	Cao đẳng	21CKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
264	21001026	Lê Thị	Thu	Nữ	09/11/2003	Cao đẳng	21CKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
265	21001561	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	30/07/2002	Cao đẳng	21CKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
266	21001115	Huỳnh Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	31/08/2003	Cao đẳng	21CKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
267	21000013	Hoàng Thị	Trang	Nữ	05/06/2003	Cao đẳng	21CKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
268	21002602	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	16/01/2002	Cao đẳng	21CKT01	2021	Kế toán doanh nghiệp	100%
269	21001086	Võ Minh	Duy	Nam	26/09/2000	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
270	21002727	Trần Võ Nhựt	Hòa	Nam	16/10/1996	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
271	21002094	Nguyễn Quốc	Hoàng	Nam	17/01/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
272	21001478	Nguyễn Công	Huy	Nam	12/10/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
273	21001532	Hà Quang	Huy	Nam	24/04/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
274	21001519	Đỗ Đức	Khải	Nam	22/10/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
275	21002634	Cao Thành	Minh	Nam	30/08/1989	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
276	21001173	Phạm Quang	Nam	Nam	12/01/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
277	21001887	Khổng Nguyễn Minh	Nhật	Nam	06/07/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
278	21001174	Nguyễn Văn	Phụng	Nam	07/05/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
279	21001556	Nguyễn Duy	Quang	Nam	24/09/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
280	21001348	Phan Huỳnh	Quốc	Nam	02/10/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
281	21001492	Nguyễn Tấn	Sang	Nam	15/08/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
282	21001407	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	13/02/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
283	21001390	Trương Thanh	Thiên	Nam	20/10/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
284	21001379	Nguyễn Thái	Tuyên	Nam	30/10/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
285	21001946	Huỳnh Ngọc Trân	Châu	Nữ	24/11/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
286	21001399	Trần Thị Mỹ	Dung	Nữ	10/10/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
287	21001156	Trần Ngọc	Hân	Nữ	27/09/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
288	21001498	Nguyễn Đỗ Thanh	Huyền	Nữ	31/08/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
289	21001581	Lê Thị Diễm	My	Nữ	20/03/2002	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
290	21002011	Phạm Huỳnh Thị Hải	My	Nữ	28/09/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
291	21001327	Trần Bảo	Ngân	Nữ	31/05/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
292	21002757	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Nhi	Nữ	11/05/1990	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
293	21001385	Trần Quỳnh	Như	Nữ	24/08/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
294	21001526	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	01/01/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
295	21001986	Hồ Thị Bích	Quy	Nữ	12/07/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
296	21001104	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	09/01/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
297	21001832	Huỳnh Thủy	Tiên	Nữ	16/11/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
298	21001382	Phan Thị Hồng	Ty	Nữ	12/12/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
299	21001894	Bùi Sứ Huyền	Vân	Nữ	04/04/2003	Cao đẳng	21CQT01	2021	Quản trị kinh doanh	100%
300	21001564	Nguyễn Hồ Khánh	Duy	Nam	09/01/2003	Cao đẳng	21CPM01	2021	Công nghệ thông tin	100%
301	21001979	Phạm Nhật	Hào	Nam	06/02/2003	Cao đẳng	21CPM01	2021	Công nghệ thông tin	100%
302	21001340	Nguyễn Viết	Hiếu	Nam	10/02/2003	Cao đẳng	21CPM01	2021	Công nghệ thông tin	100%
303	21001176	Ngô Quốc	Thái	Nam	22/10/2003	Cao đẳng	21CPM01	2021	Công nghệ thông tin	100%
304	21001292	Phan Gia	Thịnh	Nam	05/01/2003	Cao đẳng	21CPM01	2021	Công nghệ thông tin	100%
305	21001820	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	01/11/2002	Cao đẳng	21CPM01	2021	Công nghệ thông tin	100%
306	21000045	Võ Hoàng Anh	Trưởng	Nam	07/11/2003	Cao đẳng	21CPM01	2021	Công nghệ thông tin	100%
307	21001133	Phạm Đức	Tường	Nam	14/11/2003	Cao đẳng	21CPM01	2021	Công nghệ thông tin	100%
308	21001667	Võ Anh	Vũ	Nam	06/10/2003	Cao đẳng	21CPM01	2021	Công nghệ thông tin	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
309	21001196	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	02/10/2003	Cao đẳng	21CTMĐT01	2021	Công nghệ thông tin	100%
310	21001213	Võ Tấn	Nghĩa	Nam	29/12/2003	Cao đẳng	21CTMĐT01	2021	Công nghệ thông tin	100%
311	21002001	Lê Anh	Tuấn	Nam	21/12/2003	Cao đẳng	21CTMĐT01	2021	Công nghệ thông tin	100%
312	21001294	Nguyễn Lê Khánh	An	Nam	09/02/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
313	21000994	Nguyễn Văn	Bình	Nam	15/01/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
314	21001281	Nguyễn Công	Chánh	Nam	12/02/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
315	21001248	Nguyễn Chí	Công	Nam	30/06/2000	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
316	21001283	Phan Mai	Đạo	Nam	15/04/2002	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
317	21001077	Nguyễn Lưu Thành	Đạt	Nam	26/01/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
318	21001198	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	19/04/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
319	21002421	Nguyễn Tiến	Đức	Nam	26/12/2000	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
320	21001192	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	01/12/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
321	21002613	Lê Minh Tuấn	Dương	Nam	07/11/1999	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
322	21001225	Trần Thái	Duy	Nam	23/09/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
323	21001944	Võ Minh	Hải	Nam	24/03/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
324	21001223	Lê Trung	Hậu	Nam	15/10/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
325	21001055	Trần Đình	Hoàng	Nam	27/03/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
326	21001090	Đình Đoàn	Kha	Nam	13/09/2000	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
327	21001237	Nguyễn Hoài	Khang	Nam	15/02/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
328	21001941	Trần Nhật	Khang	Nam	29/07/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
329	21001552	Hồ Ngọc	Khánh	Nam	02/07/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
330	21002035	Lê Trọng	Lễ	Nam	03/07/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
331	21001942	Nguyễn Tài	Lộc	Nam	13/08/2003	Cao đẳng	21COT01	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
332	21001142	Nguyễn Cao	Nhân	Nam	01/02/2003	Cao đẳng	21CKS01	2021	Quản trị Khách sạn	100%
333	21001761	Vũ Bảo	Phúc	Nam	21/12/2003	Cao đẳng	21CKS01	2021	Quản trị Khách sạn	100%
334	21001973	Đặng	Quang	Nam	01/12/2003	Cao đẳng	21CKS01	2021	Quản trị Khách sạn	100%
335	21002039	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Nam	11/12/2002	Cao đẳng	21CKS01	2021	Quản trị Khách sạn	100%
336	21001076	Nguyễn Thị Anh	Châu	Nữ	03/09/2003	Cao đẳng	21CKS01	2021	Quản trị Khách sạn	100%
337	21001325	Nguyễn Bích	Chi	Nữ	05/09/2003	Cao đẳng	21CKS01	2021	Quản trị Khách sạn	100%
338	21001648	Huỳnh Thị Hoa	Đào	Nữ	28/06/2003	Cao đẳng	21CKS01	2021	Quản trị Khách sạn	100%
339	21000002	Trần Thị Như	Huỳnh	Nữ	31/01/2003	Cao đẳng	21CKS01	2021	Quản trị Khách sạn	100%
340	21001167	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	06/11/2003	Cao đẳng	21CKS01	2021	Quản trị Khách sạn	100%
341	21001803	Đoàn Thị Cẩm	Ly	Nữ	05/06/2003	Cao đẳng	21CKS01	2021	Quản trị Khách sạn	100%
342	21001419	Lê Thị	Lý	Nữ	02/01/2003	Cao đẳng	21CKS01	2021	Quản trị Khách sạn	100%
343	21001760	Huỳnh Thị Kiều	My	Nữ	25/05/2003	Cao đẳng	21CKS01	2021	Quản trị Khách sạn	100%
344	21001331	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	26/09/2002	Cao đẳng	21CKS01	2021	Quản trị Khách sạn	100%
345	21001245	Nguyễn Thái	An	Nam	12/03/2003	Cao đẳng	21CNH01	2021	Quản trị Nhà hàng	100%
346	21001510	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	Nam	22/11/2003	Cao đẳng	21CNH01	2021	Quản trị Nhà hàng	100%
347	21001226	Huỳnh Hải	Đặng	Nam	26/07/2003	Cao đẳng	21CNH01	2021	Quản trị Nhà hàng	100%
348	21001422	Nguyễn Thành	Nam	Nam	04/04/2002	Cao đẳng	21CNH01	2021	Quản trị Nhà hàng	100%
349	21001278	Nguyễn Đức Đại	Phong	Nam	02/12/2003	Cao đẳng	21CNH01	2021	Quản trị Nhà hàng	100%
350	21001326	Trần Nguyễn	Thuận	Nam	29/03/2003	Cao đẳng	21CNH01	2021	Quản trị Nhà hàng	100%
351	20000205	Bùi Văn	Tiến	Nam	22/11/2000	Cao đẳng	21CNH01	2021	Quản trị Nhà hàng	100%
352	21002016	Vũ Thị Diễm	Hương	Nữ	02/10/2003	Cao đẳng	21CNH01	2021	Quản trị Nhà hàng	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
353	21001431	Trương Thị Yên	Oanh	Nữ	20/01/2003	Cao đẳng	21CNH01	2021	Quản trị Nhà hàng	100%
354	22002404	Lý Đạt	Dậu	Nam	27/06/2004	Cao đẳng	22CTA01	2022	Tiếng Anh	100%
355	22001447	Nguyễn Duy	Lộc	Nam	07/02/2001	Cao đẳng	22CTA01	2022	Tiếng Anh	100%
356	22001637	Trần Trọng	Nhân	Nam	21/09/2004	Cao đẳng	22CTA01	2022	Tiếng Anh	100%
357	22001944	Võ Hoàng	Phát	Nam	09/09/2004	Cao đẳng	22CTA01	2022	Tiếng Anh	100%
358	22002452	Nguyễn Quang	Bảo	Nam	13/04/2004	Cao đẳng	22CTA02	2022	Tiếng Anh	100%
359	22002455	Bùi Đình	Khang	Nam	09/12/2004	Cao đẳng	22CTA02	2022	Tiếng Anh	100%
360	22000123	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	27/04/2001	Cao đẳng	22CTA01	2022	Tiếng Anh	100%
361	22001638	Trần Ngọc Mỹ	Duyên	Nữ	21/09/2004	Cao đẳng	22CTA01	2022	Tiếng Anh	100%
362	22001830	Nguyễn Phúc Gia	Hân	Nữ	20/10/2001	Cao đẳng	22CTA01	2022	Tiếng Anh	100%
363	22000286	Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	26/03/1999	Cao đẳng	22CTA01	2022	Tiếng Anh	100%
364	22001627	Đào Gia	Linh	Nữ	25/03/2004	Cao đẳng	22CTA01	2022	Tiếng Anh	100%
365	22000278	Lê Huỳnh	Như	Nữ	27/05/2004	Cao đẳng	22CTA01	2022	Tiếng Anh	100%
366	22001446	Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	11/08/2003	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
367	22001544	Hoàng Thị	Ánh	Nữ	01/09/2004	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
368	22001474	Nguyễn Thị Tiểu	Băng	Nữ	01/02/2004	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
369	22000097	Diệp Trần	Châu	Nữ	15/08/2003	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
370	22000067	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	Nữ	16/08/2004	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
371	22001472	Trần Thị Ngọc	Hân	Nữ	28/08/2004	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
372	22000143	Hồ Thị	Hậu	Nữ	27/07/2003	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
373	22000039	Nguyễn Thụy Phương	Hoài	Nữ	19/03/2001	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
374	22001545	Vi Thị	Hồng	Nữ	24/09/2004	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
375	22000197	Nguyễn Thị Huỳnh	Liên	Nữ	08/10/2003	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
376	22002393	Quách Hà Ái	Linh	Nữ	11/01/2004	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
377	22000003	Huỳnh Kiều Thảo Hồng	Mi	Nữ	17/04/2004	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
378	22002396	Ứng Nhật	Nguyên	Nữ	19/10/2004	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
379	22003223	Mai Thảo	Nhi	Nữ	12/09/2003	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
380	22003221	Đỗ Thị Phương	Thanh	Nữ	25/10/2001	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
381	22003222	Đỗ Thị Thu	Thúy	Nữ	14/06/2002	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
382	22001451	Lê Thị Hải	Yến	Nữ	28/03/2004	Cao đẳng	22CTTR01	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
383	22003225	Nguyễn Ngọc Mai	Anh	Nữ	10/05/2003	Cao đẳng	22CTTR02	2022	Tiếng Trung Quốc	100%
384	22001799	Nguyễn Hoàng	Đạt	Nam	18/03/2004	Cao đẳng	22CTN01	2022	Tiếng Nhật	100%
385	22000010	Huỳnh Phi	Long	Nam	10/03/2000	Cao đẳng	22CTN01	2022	Tiếng Nhật	100%
386	22001625	Võ Thị Thùy	Dương	Nữ	25/07/2004	Cao đẳng	22CTN01	2022	Tiếng Nhật	100%
387	22000029	Trần Nhung	Hường	Nữ	24/10/2002	Cao đẳng	22CTN01	2022	Tiếng Nhật	100%
388	22001469	Huỳnh Thị Bé	Huyền	Nữ	04/07/2004	Cao đẳng	22CTN01	2022	Tiếng Nhật	100%
389	22002315	Đào Thị Thảo	Ly	Nữ	31/10/2004	Cao đẳng	22CTN01	2022	Tiếng Nhật	100%
390	22002476	Suzuki Mai Tuyết	Ngân	Nữ	22/02/2001	Cao đẳng	22CTN01	2022	Tiếng Nhật	100%
391	22001470	Huỳnh Thị Hoàng	Oanh	Nữ	30/10/2004	Cao đẳng	22CTN01	2022	Tiếng Nhật	100%
392	22001583	Võ Thị Như	Phương	Nữ	25/02/2004	Cao đẳng	22CTN01	2022	Tiếng Nhật	100%
393	22001796	Nguyễn Thị Sa	Ri	Nữ	27/05/2004	Cao đẳng	22CTN01	2022	Tiếng Nhật	100%
394	22001689	Nguyễn Hồ Mai	Vy	Nữ	21/04/2004	Cao đẳng	22CTN01	2022	Tiếng Nhật	100%
395	21001755	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	07/10/2003	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
396	22000110	Nguyễn Đức	Tân	Nam	23/04/2003	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
397	22002038	Đặng Hoàng	Anh	Nữ	07/12/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
398	22002066	Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	21/11/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
399	22002368	Trần Thị Thu	Gấm	Nữ	15/07/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
400	22001560	Võ Thị Thanh	Hà	Nữ	29/10/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
401	22002127	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	07/05/2002	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
402	22002300	Mai Thị Thúy	Hằng	Nữ	10/01/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
403	22001986	Nguyễn Ánh	Ngọc	Nữ	04/09/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
404	22001761	Trương Thảo	Nguyên	Nữ	20/02/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
405	22002409	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	09/07/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
406	22001833	Nguyễn Thị Ánh	Nhung	Nữ	08/07/2001	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
407	22002190	Dương Tuyết	Nhung	Nữ	05/04/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
408	22001871	Lê Uyên	Thư	Nữ	08/02/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
409	22002872	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	15/03/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
410	22001923	Huỳnh Thu	Thủy	Nữ	30/03/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
411	22002017	Thái Thị Thủy	Tiên	Nữ	02/01/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
412	22002377	Đinh Kiều	Vân	Nữ	18/10/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
413	22001996	Trần Thị Thảo	Vy	Nữ	06/12/2004	Cao đẳng	22CKT01	2022	Kế toán doanh nghiệp	100%
414	22001843	Lê Mạnh	Cường	Nam	05/02/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
415	22002877	Lương Công	Danh	Nam	16/10/2005	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
416	22001865	Đỗ Hoàng Thanh	Huy	Nam	05/12/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
417	22001861	Lê Hoàng	Khải	Nam	04/01/2003	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
418	22002018	Nguyễn Ngọc	Khánh	Nam	21/10/2002	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
419	22001630	Bùi Quang	Linh	Nam	22/10/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
420	22001939	Nguyễn Hải	Nam	Nam	19/08/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
421	22002098	Lê Hoàng	Nam	Nam	05/08/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
422	22001962	Trần Văn	Nghĩa	Nam	13/10/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
423	22000066	Đỗ Hoàng	Tấn	Nam	12/11/2001	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
424	22002328	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	06/06/2003	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
425	22002020	Nguyễn Trường	Thịnh	Nam	02/07/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
426	22001775	Nguyễn Quốc	Vinh	Nam	30/08/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
427	22001773	Nguyễn Thị Huỳnh	Giang	Nữ	05/01/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
428	22001825	Phó Thị Trà	Giang	Nữ	07/08/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
429	22001897	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	25/01/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
430	22002360	Võ Hải	Hoa	Nữ	04/11/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
431	22002312	Ngô Thảo	Ngân	Nữ	09/06/1996	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
432	22001912	Mai Thị Tịnh	Nghi	Nữ	02/11/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
433	22001824	Nguyễn Tiểu	Phàm	Nữ	28/11/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
434	22002283	Nguyễn Phương	Quỳnh	Nữ	01/12/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
435	22002399	Nguyễn Ngọc Lan	Thanh	Nữ	26/02/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
436	22002764	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	05/12/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
437	22002225	Phạm Thị Minh	Thư	Nữ	12/09/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
438	22002295	Thanh Lâm Thu	Thúy	Nữ	15/01/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
439	22001785	Vũ Thị Thủy	Tiên	Nữ	19/10/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
440	22002244	Nguyễn Kiều	Tiên	Nữ	19/09/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
441	22002380	Bùi Lương Hoàng	Trân	Nữ	07/11/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
442	22002259	Đặng Kiều	Vy	Nữ	09/02/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
443	22001643	Lê Thị Như	Ý	Nữ	20/07/2004	Cao đẳng	22CQT01	2022	Quản trị kinh doanh	100%
444	22002070	Nguyễn Văn	An	Nam	22/05/2004	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
445	22000290	Nguyễn Vũ Gia	Bảo	Nam	27/04/2004	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
446	22001786	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	29/08/2004	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
447	22001460	Nguyễn Bạch	Dương	Nam	09/08/2000	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
448	22001881	Phan Phạm Hoàng	Hải	Nam	31/10/2000	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
449	22002398	Vũ Minh	Hiền	Nam	21/07/2004	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
450	22001795	Phạm Nguyễn Minh	Huy	Nam	28/05/2004	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
451	22001970	Trần Minh	Nhật	Nam	20/11/2004	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
452	22001976	Trần Nguyên	Phát	Nam	27/07/2004	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
453	22002451	Trần An	Phước	Nam	19/09/2003	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
454	22002009	Trần Minh	Quang	Nam	01/08/2004	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
455	22001579	Lê Nguyễn Thành	Tâm	Nam	30/06/2004	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
456	22001846	Huỳnh Chí	Thành	Nam	16/02/2004	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
457	22002240	Nguyễn Thành	Thông	Nam	01/05/2004	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
458	22001965	Trang Quốc	Trưởng	Nam	19/11/2004	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
459	22001599	Nguyễn Hoài	Vũ	Nam	25/02/1999	Cao đẳng	22CPM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
460	22001816	Nguyễn Lê Hải	Âu	Nam	31/05/2004	Cao đẳng	22CQTM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
461	22002108	Nguyễn Minh	Chánh	Nam	15/02/2004	Cao đẳng	22CQTM01	2022	Công nghệ thông tin	100%
462	22001445	Nguyễn Đức	Danh	Nam	15/07/2004	Cao đẳng	22CTMĐT01	2022	Công nghệ thông tin	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
463	22002085	Trương Quốc	Huy	Nam	11/01/2004	Cao đẳng	22CTMĐT01	2022	Công nghệ thông tin	100%
464	22001501	Trần Duy	Linh	Nam	22/12/2002	Cao đẳng	22CTMĐT01	2022	Công nghệ thông tin	100%
465	22002414	Lê Thị Thu	Linh	Nữ	23/02/2004	Cao đẳng	22CTMĐT01	2022	Công nghệ thông tin	100%
466	22001817	Đỗ Quốc	Nghĩa	Nam	03/09/2004	Cao đẳng	22CTMĐT01	2022	Công nghệ thông tin	100%
467	22002088	Trần Thị Yên	Nhi	Nữ	05/05/2004	Cao đẳng	22CTMĐT01	2022	Công nghệ thông tin	100%
468	22001909	Ngô Thị Hồng	Nhung	Nữ	29/09/2004	Cao đẳng	22CTMĐT01	2022	Công nghệ thông tin	100%
469	22002094	Lê Hoàng	Quân	Nam	30/05/2003	Cao đẳng	22CTMĐT01	2022	Công nghệ thông tin	100%
470	22002415	Nguyễn Kim	Thủy	Nữ	16/12/2004	Cao đẳng	22CTMĐT01	2022	Công nghệ thông tin	100%
471	22000279	Trần Thị Minh	Trang	Nữ	11/05/1998	Cao đẳng	22CTMĐT01	2022	Công nghệ thông tin	100%
472	22000101	Võ Việt	Anh	Nam	29/02/2004	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
473	22001528	Nguyễn Thế	Bạch	Nam	15/02/2004	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
474	22001517	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	23/11/2004	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
475	22000292	Nguyễn Quốc	Danh	Nam	21/12/2003	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
476	22001559	Nguyễn Tấn	Hải	Nam	01/02/2004	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
477	22001505	Ngô Minh	Huy	Nam	03/01/2004	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
478	22001552	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	27/03/2002	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
479	22000002	Bùi Quốc	Kiệt	Nam	25/10/2003	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
480	22000208	Đặng Quang	Linl	Nam	22/04/2004	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
481	22001538	Lý Thiên	Lộc	Nam	01/08/2004	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
482	22003241	Hoàng Trần Thế	Long	Nam	01/07/2003	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
483	22001519	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	09/02/2003	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
484	22003220	Dương Minh	Nhật	Nam	23/07/2002	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
485	22000219	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	29/08/2004	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
486	22001468	Trần Minh	Quân	Nam	28/05/2004	Cao đẳng	22COT01	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
487	22001787	Nguyễn Nhật	Anh	Nam	10/01/2004	Cao đẳng	22COT02	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
488	22001561	Nguyễn Quang	Bình	Nam	11/11/2004	Cao đẳng	22COT02	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
489	22002357	Lê Minh	Đức	Nam	15/12/2003	Cao đẳng	22COT02	2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%
490	22002002	Trương Quang	Chiến	Nam	02/12/2004	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
491	22002146	Nguyễn Thành	Đông	Nam	01/08/2002	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
492	22003077	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	23/12/2004	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
493	22002173	Ngô Thành	Dương	Nam	28/01/2004	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
494	22001763	Dương Hà Quốc	Hoàng	Nam	02/05/2004	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
495	22000232	Nguyễn Quang	Huy	Nam	09/06/2004	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
496	22002281	Đỗ Thành	Khải	Nam	19/03/2004	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
497	22001661	Nguyễn Quốc	Nhuận	Nam	21/11/2004	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
498	22002285	Lê Minh	Phát	Nam	14/04/2004	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
499	22002539	Nguyễn Đình	Phú	Nam	16/04/2002	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
500	22002187	Dương Văn	Sỹ	Nam	05/11/2004	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
501	22001595	Trương Hữu	Tài	Nam	25/01/2004	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
502	22001549	Võ Lê	Thuận	Nam	10/10/2004	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
503	22001764	Bùi Thành	Ti	Nam	15/05/2004	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
504	22001873	Nguyễn Văn	Vũ	Nam	14/04/2004	Cao đẳng	22CĐĐT01	2022	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	100%
505	22002299	Cháu Văn	Đăng	Nam	19/09/2004	Cao đẳng	22CML01	2022	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	100%
506	22002761	Bùi Văn	Diện	Nam	20/09/2004	Cao đẳng	22CML01	2022	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
507	22001995	Phạm Xuân	Hình	Nam	05/04/2001	Cao đẳng	22CML01	2022	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	100%
508	22001578	Lương Hồng	Phúc	Nam	10/03/2004	Cao đẳng	22CML01	2022	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	100%
509	22002301	Thạch Văn	Tuấn	Nam	10/01/2004	Cao đẳng	22CML01	2022	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	100%
510	22003235	Nguyễn Hồng Bảo	Anh	Nam	10/10/2000	Cao đẳng	22CCNTP01	2022	Công nghệ thực phẩm	100%
511	22002037	Nguyễn Thanh	Bắc	Nam	12/07/2004	Cao đẳng	22CCNTP01	2022	Công nghệ thực phẩm	100%
512	22001954	Đỗ Chí	Công	Nam	30/08/2004	Cao đẳng	22CCNTP01	2022	Công nghệ thực phẩm	100%
513	22002384	Trịnh Quỳnh Kim	Cương	Nữ	17/08/2004	Cao đẳng	22CCNTP01	2022	Công nghệ thực phẩm	100%
514	22002079	Phan Hoàng	Duyệt	Nam	19/06/2004	Cao đẳng	22CCNTP01	2022	Công nghệ thực phẩm	100%
515	22001797	Trương Phạm Thu	Ngân	Nữ	26/03/2004	Cao đẳng	22CCNTP01	2022	Công nghệ thực phẩm	100%
516	22001889	Thạch Thị Ngọc	Phương	Nữ	12/12/2004	Cao đẳng	22CCNTP01	2022	Công nghệ thực phẩm	100%
517	22002036	Lê Văn	Quy	Nam	13/10/2004	Cao đẳng	22CCNTP01	2022	Công nghệ thực phẩm	100%
518	22000033	Đào Tấn	Thiên	Nam	15/10/1992	Cao đẳng	22CCNTP01	2022	Công nghệ thực phẩm	100%
519	22001945	Kiều Hữu	Bình	Nam	01/04/2004	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%
520	22002177	Châu Thành	Đạt	Nam	05/04/2004	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%
521	22002046	Nguyễn Phạm Ngọc	Giàu	Nam	30/07/2003	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%
522	22001983	Lê Mạnh	Khoa	Nam	07/02/2004	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%
523	22000118	Nguyễn Thành	Luân	Nam	03/04/2004	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%
524	22002260	Huỳnh Nhật	Thanh	Nam	09/05/2004	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%
525	22002319	Đỗ Tường	Duy	Nữ	07/01/2004	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%
526	22002252	Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	11/11/2002	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%
527	22002203	Trần Thị Như	Huyền	Nữ	19/12/2003	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%
528	22001991	Trần Thị Trà	Mi	Nữ	12/04/2004	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO TỪNG NĂM

STT	Mã số HSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Tên lớp	Năm tốt nghiệp	Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm
529	22001837	Phạm Đoàn Trúc	Qui	Nữ	15/11/2004	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%
530	22001621	Huỳnh Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	13/12/2004	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%
531	22001551	Đặng Thị Minh	Thư	Nữ	05/01/2004	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%
532	22002090	Lê Huỳnh Bảo	Uyên	Nữ	01/07/2004	Cao đẳng	22CKS01	2022	Quản trị Khách sạn	100%
533	22002329	Phạm Văn	Cảnh	Nam	03/10/2004	Cao đẳng	22CNH01	2022	Quản trị Nhà hàng	100%
534	22001872	Bùi Thị	Huệ	Nữ	26/10/2004	Cao đẳng	22CNH01	2022	Quản trị Nhà hàng	100%
535	22000028	Huỳnh Sơn	Lam	Nam	12/12/1990	Cao đẳng	22CNH01	2022	Quản trị Nhà hàng	100%
536	22001931	Dương Ngọc	Như	Nữ	28/11/2004	Cao đẳng	22CNH01	2022	Quản trị Nhà hàng	100%
537	22002243	Phạm Quốc	Thiên	Nam	08/07/2004	Cao đẳng	22CNH01	2022	Quản trị Nhà hàng	100%
538	22002254	Châu Nữ Hồng	Trâm	Nữ	13/04/2004	Cao đẳng	22CNH01	2022	Quản trị Nhà hàng	100%
539	21000028	Võ Thanh	Tuấn	Nam	28/10/2003	Cao đẳng	22CNH01	2022	Quản trị Nhà hàng	100%
540	22001585	Nguyễn Hoàng Ngọc	Vy	Nữ	23/01/2004	Cao đẳng	22CNH01	2022	Quản trị Nhà hàng	100%